

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2026
“V/v Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Minh Sơn.

2. Ông Thạch Đa Ra.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bé Trà - Kiểm sát viên.

Ngày 13/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/02/2026 và Quyết định hoãn phiên số: 50/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 23/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Bích T, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm P, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Dương Bích T trình bày và yêu cầu như sau: Bà và ông Nguyễn Minh H tự tìm hiểu, quen biết nhau và tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (Nay

là xã Đ, thành phố Cần Thơ) vào ngày 02/4/2008. Thời gian đầu sau khi cưới bà và ông H sống hạnh phúc. Quá trình sống chung bà và ông H có với nhau hai người con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 12/9/2008 và Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 15/01/2020. Hiện tại con chung đang sống chung với bà. Bà và ông H thường xuyên mâu thuẫn, không có tiền nói chung và hiện tại ông H đã đi tu. Bà và ông H sống ly thân hơn một năm nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông H. Về con chung: Bà và ông H có với nhau hai người con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 12/9/2008 và Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 15/01/2020. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia H1, Nguyễn Ngọc Vân A và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông H không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh H vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, đương sự tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Bà T và ông H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (Nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ) vào ngày 02/4/2008 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo lời trình bày của bà T thể hiện vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tình cảm rạn nứt. Bà T xác định tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và kiên quyết yêu cầu ly hôn. Đối với ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không tham gia hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến. Tuy nhiên, thông qua xác minh từ bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của ông H thể hiện bà T và ông H có xảy ra mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân nên không thể tiếp tục sống chung, ông H đã bỏ nhà đi hơn 01 năm hiện đang tu tập tại một ngôi Chùa ở An Giang và ông H cũng thống nhất đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khi một bên yêu cầu ly hôn mà có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa án xem xét cho ly hôn. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H. Bà T và ông H có với nhau hai người con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 12/9/2008 và Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 15/01/2020. Từ trước đến nay, các con chung do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đời sống của các cháu đã ổn định. Đối với cháu H1 có bản tự khai thể hiện nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Mặt khác, ông H hiện đang đi tu, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, xét thấy cần giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Bà T xác định bà và ông H không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông H cũng không có ý kiến gì khác.

Từ những phân tích trên, căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T cho bà T được ly hôn với ông H. Về con chung: Giao hai người con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 12/9/2008 và Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 15/01/2020 cho mẹ là bà T nuôi dưỡng và ông H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Bà T yêu cầu ly hôn với ông H và yêu cầu nuôi con chung. Xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà T và ông H kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ (Nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ) vào ngày 02/4/2008, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Bà T yêu cầu ly hôn với ông H và yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 12/9/2008 và Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 15/01/2020. Xét, hôn nhân của bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống giữa bà T và ông H thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mặc dù, bà T và ông H đã nhiều lần ngồi lại với nhau hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Mặc khác, bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của ông H xác nhận mâu thuẫn trong đời sống

hôn nhân giữa bà T và ông H là nghiêm trọng không thể hàn gắn và hiện tại ông H chọn con đường sống tu tập tại Chùa. Nhận thấy, mục đích của hôn nhân là vợ chồng phải tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng hôn nhân giữa bà T và ông H lại không có được những điều trên. Do đó, bà T xin ly hôn với ông H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Bà T và ông H có với nhau hai con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 12/9/2008 và Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 15/01/2020. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét, bà T là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Gia H1 và Nguyễn Ngọc Vân A. Mặt khác, để đảm bảo cho hai con chung Nguyễn Gia H1 và Nguyễn Ngọc Vân A có điều kiện phát triển bình thường, không làm thay đổi cuộc sống hiện tại của con chung và phù hợp với nguyện vọng của cơ thể chưa thành niên. Do đó, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Gia H1 và Nguyễn Ngọc Vân A là căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T đã được giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nhưng bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5] Về tài sản chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.6] Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định để thông báo và triệu tập cho ông H nhưng ông H vắng mặt không có lý do cũng như không đưa ra được chứng cứ chứng minh phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn coi như ông H đã từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ cũng như phải chịu hậu quả pháp lý của việc không phản đối và không chứng minh.

[3] Từ những nhận định và phân tích trên, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà T phải án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Dương Bích T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.
3. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Gia H1, sinh ngày 12/9/2008 và Nguyễn Ngọc Vân A, sinh ngày 15/01/2020 cho mẹ là bà Dương Bích T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.
4. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho bà Dương Bích T biết về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật nhưng bà Dương Bích T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
5. Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con.
6. Về tài sản chung: Bà Dương Bích T khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.
7. Về nợ chung: Bà Dương Bích T khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.
8. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Dương Bích T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà Dương Bích T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006844 ngày 22/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Vĩnh Long thu.
9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
10. Đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản

án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV10-Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV10-Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thơ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Sơn

Thạch Thị Mỹ Kim

Nguyễn Minh Thơ

